TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 144/2019/HNGĐ-ST Ngày: 31-10-2019 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thực;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Anh Dũng;
- Ông Phan Văn Thật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2019/QĐXX-ST ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thanh S,** sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp LQ, xã NH, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp LQ, xã NH, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn, anh Nguyễn Thanh S trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì tổ chức đám cưới vào năm 2006. Sau khi cưới, anh chị không đăng ký kết hôn ngay mà đến ngày 13-5-2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại ấp LQ, xã NH. Sau đó khoảng 01 năm thì cha mẹ anh cho đất cất nhà ra ở riêng, sinh sống được khoảng 06 tháng thì vợ chồng bán phần đất cha mẹ cho và mua lại phần đất khác ở ấp LQ, xã NH cất nhà kiên cố và sinh sống cho đến nay. Từ khi cưới nhau đến năm 2012 vợ chồng anh sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do chị T có quan hệ tình cảm với người khác. Anh đã khuyên ngăn và tha thứ cho chị T nên vợ chồng tiếp tục chung sống. Đến khoảng tháng 5 năm 2019, chị T có quan hệ tình cảm

với người đàn ông khác, anh có nghe được cuộc ghi âm trong điện thoại và chị T cũng thừa nhận sự việc với anh, từ đó chị T đã bỏ nhà đi cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với với chị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 26-12-2007 và Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30-4-2010, hiện nay 02 con đang sống với anh S, từ khi chị T bỏ đi đến nay anh S là người nuôi dưỡng. Do đó, anh yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con sau khi ly hôn, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh S có ý kiến để tự hai bên thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, dù chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh S, vắng mặt trong các phiên họp và tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị T tranh chấp về ly hôn; chị T cư trú tại ấp LQ, xã NH, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện C.

[2] Bị đơn, chị Nguyễn Thị T không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Anh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh S, chị T.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị T chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2006, đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NH, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 66/2011, quyển số 1, ngày 13-5-2011 nên hôn nhân giữa anh S, chị T là hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và đến khoảng tháng 5-2019 thì lại tiếp tục có mối quan hệ này. Từ đó, chị T đã bỏ nhà đi cho đến nay. Mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn này do phía anh S nêu, nhưng chị T không có ý kiến gì phản đối là tự mình từ bỏ nghĩa vụ chứng minh. Chị T không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh S, cũng như để

hàn gắn tình cảm vợ chồng nếu như còn yêu thương chồng con nên xem như chị T đã không còn quan tâm đến hôn nhân của vợ chồng nữa. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình" và "vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau". Qua đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa anh S và chị T đã không còn tình nghĩa vợ chồng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không còn nên mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu xin ly hôn của anh S là có căn cứ.

[4] Về con chung: Giữa anh S và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30-4-2010; cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 26-12-2007. Từ tháng 5-2019 đến nay, chị T bỏ đi để hai con cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, nay chị T cũng không có ý kiến gì thể hiện nguyện vọng được nuôi con và cháu H, cháu N có nguyện vọng được sống với anh S sau khi cha mẹ ly hôn. Vì thế, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con, tránh làm xáo trộn cuộc sống, tâm lý của cháu. Anh S không yêu cầu phía chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này anh S có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung, tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T không có ý kiến gì về các vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh S là nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S. Cho anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh H, sinh ngày 30-4-2010; cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 26-12-2007 cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh S chưa yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 17070 ngày 08-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên xem như anh S đã thi hành xong án phí.

Anh Nguyễn Thanh S, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã NH, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Anh Thực